

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG**

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Bảng cân đối kế toán	02 - 04
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	05 - 05
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	06 - 06
Thuyết minh Báo cáo tài chính	07 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG

B01-DN

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31.03.2009	01.01.2009
	TÀI SẢN			
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		1,159,419,306,616	1,164,271,085,307
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		681,581,891,915	666,476,933,005
111	1. Tiền	V.01	338,084,199,777	344,878,933,005
112	2. Các khoản tương đương tiền		343,497,692,138	321,598,000,000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		19,488,502,152	19,988,502,152
121	1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	V.02	19,488,502,152	19,988,502,152
129	2. Dự phòng giảm giá ch.khoán đ.tư ngắn hạn		0	0
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	V.03	135,636,806,873	165,532,489,223
131	1. Phải thu của khách hàng		90,010,144,527	131,509,556,593
132	2. Trả trước cho người bán		6,256,879,059	7,369,433,318
135	5. Các khoản phải thu khác		39,369,783,287	26,653,499,312
139	6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		0	0
140	IV. Hàng tồn kho		311,211,985,647	300,666,897,061
141	1. Hàng tồn kho	V.04	313,286,519,105	306,422,597,442
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-2,074,533,458	-5,755,700,381
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	V.05	11,500,120,029	11,606,263,866
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1,448,205,581	1,885,049,658
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước		9,207,870,706	9,414,519,558
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		844,043,742	306,694,650
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1,105,170,512,279	1,114,874,562,934
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		0	0
220	II. Tài sản cố định		184,264,382,205	188,729,517,465
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.06	108,439,197,297	113,245,602,519
222	- Nguyên giá		346,156,637,863	347,210,250,391
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		-237,717,440,566	-233,964,647,872
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.07	12,485,640,366	12,626,284,857
228	- Nguyên giá		14,416,740,178	14,416,740,178
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-1,931,099,812	-1,790,455,321
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.08	63,339,544,542	62,857,630,089
240	III. Bất động sản đầu tư	V.09	10,020,276,000	10,020,276,000
241	- Nguyên giá		11,133,640,000	11,133,640,000


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
B01-DN

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2009
Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31.03.2009	01.01.2009
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		-1,113,364,000	-1,113,364,000
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	V.10	797,399,122,332	803,140,862,332
251	1. Đầu tư vào công ty con		42,500,000,000	42,500,000,000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		281,844,326,450	281,844,326,450
258	3. Đầu tư dài hạn khác		734,098,903,566	734,098,903,566
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-261,044,107,684	-255,302,367,684
260	V. Tài sản dài hạn khác		113,486,731,742	112,983,907,137
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	3,486,731,742	2,983,907,137
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.21	0	0
268	3. Tài sản dài hạn khác		110,000,000,000	110,000,000,000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2,264,589,818,895	2,279,145,648,241


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
B01-DN

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2009
Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31.03.2009	01.01.2009
	NGUỒN VỐN			
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		42,675,351,849	70,476,975,213
310	I. Nợ ngắn hạn		42,431,117,326	70,120,198,697
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.12	0	0
312	2. Phải trả cho người bán	V.13	2,283,124,030	28,911,908,320
313	3. Người mua trả tiền trước	V.13	829,247,475	72,675,000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	29,251,784	735,306,810
315	5. Phải trả công nhân viên		6,327,741,094	7,310,119,353
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.16	32,961,752,943	33,090,189,214
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		0	0
320	II. Nợ dài hạn	V.17	244,234,523	356,776,516
326	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		244,234,523	356,776,516
327	7. Dự phòng phải trả dài hạn		0	0
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		2,221,914,467,046	2,208,668,673,028
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	2,221,530,056,250	2,208,282,494,233
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		654,000,000,000	654,000,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1,563,030,722,378	1,563,030,722,378
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		90,553,750,157	90,553,750,157
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		34,158,108,676	34,158,108,676
420	10. Lợi nhuận chưa phân phối		-62,650,506,526	-75,898,068,543
430	II. Nguồn kinh phí, quỹ khác		384,410,796	386,178,795
431	1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		384,410,796	386,178,795
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2,264,589,818,895	2,279,145,648,241

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2009
Người lập biểu
Kế toán trưởng
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thanh Thủy

Nguyễn Văn Trường


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
B02-DN

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 01 Năm 2009
Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 01 Năm 2009	Quý 01 Năm 2008
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.19	28,842,449,499	782,970,725,476
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.20	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.21	28,842,449,499	782,970,725,476
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.22	29,531,195,270	712,921,267,095
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-688,745,771	70,049,458,381
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.23	23,165,905,677	4,346,349,843
22	7. Chi phí tài chính	VI.24	5,961,905,601	5,187,476,919
23	- Trong đó: chi phí lãi vay		-	4,758,940,195
24	8. Chi phí bán hàng		1,782,831,761	3,131,193,368
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2,170,248,621	14,162,777,711
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12,562,173,923	51,914,360,226
31	11. Thu nhập khác		1,160,209,760	-
32	12. Chi phí khác		474,821,666	-
40	13. Lợi nhuận khác		685,388,094	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		13,247,562,017	51,914,360,226
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.25	-	3,893,577,017
51	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VI.25	13,247,562,017	48,020,783,209
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		209	757

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2009
Người Lập biểu
Kế toán trưởng
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thanh Thủy

Nguyễn Văn Trường



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý 01 Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 01 Năm 2009	Quý 01 Năm 2008
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1.Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		74,964,812,824	159,974,659,864
02	2.Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ		-59,788,743,790	-251,786,312,118
03	3.Tiền chi trả cho người lao động		-5,516,603,130	-34,137,537,409
04	4.Tiền chi trả lãi vay		0	-4,758,940,195
05	5.Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp		0	-13,185,204,947
06	6.Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		237,350,930,571	10,797,787,992
07	7.Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-243,210,811,886	-49,532,403,249
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD		3,799,584,589	-182,627,950,062
	II.LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HĐ ĐẦU TƯ			
21	1.Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ & các tài sản D/hạn khác		-1,486,862,057	-71,751,440,369
22	2.Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các t.sản D/hạn khác		1,099,637,000	0
24	4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		500,000,000	0
25	5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		0	0
26	6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		0	0
27	7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11,196,327,379	6,967,790,624
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		11,309,102,322	-64,783,649,745
	III.LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HĐ TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ p.hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		0	0
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp phát hành		0	0
33	3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		0	305,600,082,291
34	4.Tiền chi trả nợ gốc vay		0	-217,174,294,575
36	6.Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-3,728,001	0
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-3,728,001	88,425,787,716
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		15,104,958,910	-158,985,812,091
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		666,476,933,005	315,813,386,380
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.01	681,581,891,915	156,827,574,289

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2009

Người Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG

B09-DN

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 01 Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Cấp và Vật liệu Viễn thông, tên giao dịch đối ngoại viết tắt là SACOM, (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo theo quyết định số 955/1997/QĐ – TTg ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Thủ Tướng Chính phủ và quyết định số 75/1998/QĐ – TCCB ngày 7 tháng 2 năm 1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện.

Giấy đăng ký kinh doanh số 059162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30 tháng 3 năm 1998 và đăng ký thay đổi lần 3 vào ngày 02 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 4 vào ngày 04 tháng 01 năm 2006, thay đổi lần 5 vào ngày 11 tháng 08 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 6 vào ngày 11 tháng 06 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 7 vào ngày 03 tháng 03 năm 2008.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy đăng ký kinh doanh lần 7 là: 654.000.000.000 đồng.

Văn phòng giao dịch của Công ty đặt tại số 152/11B đường Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh; Các xưởng của Công ty: nhà xưởng (1) đặt tại Khu công nghiệp Biên Hoà I, phường An Bình, Tp Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai và nhà xưởng (2) đặt tại xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương; Chi nhánh tại Hà Nội: số 360B Âu Cơ, quận Hồ Tây, Tp Hà Nội.

Công ty được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh theo giấy phép số 02/GPPH ngày 02/06/2000 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Tên giao dịch chứng khoán: SAM

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất, thương mại, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp, vật liệu dân dụng, Bobin gỗ (trục gỗ dùng quấn dây cáp);
- Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại;
- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư phát triển và kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Kinh doanh bất động sản.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN



1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền: tiền mặt và tiền gửi ngân hàng

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế *(hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng)* tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:



- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao tài sản cố định được trích theo quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	từ 05 đến 10 năm
- Máy móc, thiết bị	từ 05 đến 10 năm
- Phương tiện vận tải	từ 04 đến 08 năm
- Thiết bị văn phòng	từ 03 đến 05 năm

- Nguyên tắc ghi nhận các khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác tương đương của Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các chi phí phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hoạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu từ chứng khoán, các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:



- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua chứng khoán đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn;
- Tài sản thừa chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được tính theo tỷ lệ 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị công ty.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.



- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
B09-DN

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Đơn vị tính: đồng VN

01. Tiền	31.03.2009	01.01.2009
Tiền mặt	62,649,630	117,066,171
Tiền gửi ngân hàng	338,021,550,147	344,761,866,834
Các khoản tương đương tiền (*)	343,497,692,138	321,598,000,000
Cộng	681,581,891,915	666,476,933,005

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng hoặc trên 3 tháng theo các điều kiện rút gốc linh hoạt

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31.03.2009	01.01.2009
- Đầu tư ngắn hạn khác (*)	19,488,502,152	19,988,502,152
Cộng	19,488,502,152	19,988,502,152

(*): Đây là khoản tín dụng cho các Công ty vay:

	Số tiền
+ Công ty TNHH Bao bì Việt	15,000,000,000
+ Công ty Cổ phần Bao bì Sam Thịnh	1,788,502,152
+ Công ty Cổ phần Sam Phú	2,700,000,000
Cộng	19,488,502,152

03. Các khoản phải thu ngắn hạn	31.03.2009	01.01.2009
- Phải thu khách hàng (a)	90,010,144,527	131,509,556,593
- Trả trước cho người bán (b)	6,256,879,059	7,369,433,318
- Các khoản phải thu khác (c)	39,369,783,287	26,653,499,312
Cộng	135,636,806,873	165,532,489,223

(a) Các khoản phải thu của khách hàng : Chủ yếu là khoản tiền bán cáp cho các Bưu điện, các công ty thuộc ngành bưu điện trong cả nước.

(b) Trả trước cho người bán:

+ CTY thiết kế EKISTIC TOWN PLANNING INC	2,141,304,000
+ CTY TNHH tư vấn DP	1,339,686,800
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Sonadezi	140,000,000
+ Công ty TNHH Công nghệ và hệ thống	524,365,226
+ CN Tổng công ty TV XD VN (VNCC)	480,000,000
+ Representative Office of Site Architecture in Hanoi	1,455,595,148
+ Các khoản trả trước khác	175,927,885
Cộng	6,256,879,059

(c) Các khoản phải thu khác:

+ Đầu tư vào Ngân hàng Kinh Bắc	500,000,000
+ Cổ tức phải thu	16,558,138,223


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
B09-DN

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

+ Lãi cho vay phải thu	4,650,701,394
+ Quỹ khen thưởng phải thu	2,648,893,103
+ Lãi tiền gửi phải thu trước	14,003,947,579
+ Các khoản phải thu khác	1,008,102,988
Cộng	39,369,783,287

Ghi chú: Không có công nợ khó đòi và khách hàng mua hàng không có khả năng thanh toán.

04. Hàng tồn kho	31.03.2009	01.01.2009
- Hàng mua đang đi đường	-	18,584,715,445
- Nguyên liệu, vật liệu	217,008,225,975	181,765,715,340
- Công cụ, dụng cụ	1,222,657,812	1,244,367,460
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21,437,029,680	34,491,790,680
- Thành phẩm	73,001,834,333	69,695,893,604
- Hàng hoá	616,771,305	640,114,913
Cộng giá gốc hàng tồn kho	313,286,519,105	306,422,597,442
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-2,074,533,458	-5,755,700,381
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	311,211,985,647	300,666,897,061
05. Tài sản ngắn hạn khác	31.03.2009	01.01.2009
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1,448,205,581	1,885,049,658
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước (a)	9,207,870,706	9,414,519,558
- Tài sản ngắn hạn khác (b)	844,043,742	306,694,650
Cộng	11,500,120,029	11,606,263,866
(a): Thuế và các khoản phải thu nhà nước		
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	2,115,795,044	2,322,443,896
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	7,092,075,662	7,092,075,662
Cộng	9,207,870,706	9,414,519,558
(b): Tài sản ngắn hạn khác		
- Tạm ứng công nhân viên Công ty	844,043,742	306,694,650
Cộng	844,043,742	306,694,650


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ; Fax: 08 95122919

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư 01.01.09	43,772,966,344	286,891,068,596	3,356,285,361	13,189,930,090	347,210,250,391
- Mua sắm mới		178,357,200			178,357,200
- K/c từ Xây dựng cơ bản dở dang					-
- Thanh lý, nhượng bán				-1,231,969,728	-1,231,969,728
Số dư cuối 31.03.2009	43,772,966,344	287,069,425,796	3,356,285,361	11,957,960,362	346,156,637,863
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư 01.01.09	22,022,788,760	202,247,415,138	2,252,115,372	7,442,328,602	233,964,647,872
- Khấu hao trong quý 01.09	716,683,684	3,277,162,115	155,166,445	360,928,512	4,509,940,756
- Thanh lý, nhượng bán				-757,148,062	-757,148,062
Số dư cuối 31.03.2009	22,739,472,444	205,524,577,253	2,407,281,817	7,046,109,052	237,717,440,566
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
1. Tại ngày đầu năm 01.01.2009	21,750,177,584	84,643,653,458	1,104,169,989	5,747,601,488	113,245,602,519
2. Tại ngày cuối quý 31.03.2009	21,033,493,900	81,544,848,543	949,003,544	4,911,851,310	108,439,197,297

- Nguyên giá TSCĐ cuối quý đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 174,621,242,933

- Giá trị còn lại cuối quý của TSCĐ dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng.

- Trong quý 01/2009 Công ty bán thanh lý 02 xe ô tô, doanh thu thu được là: 1,142,857,142

07. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Bản quyền bằng sáng chế	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
I- Nguyên giá TSCĐ vô hình				
Số dư 01.01.09	-	12,234,883,978	2,181,856,200	14,416,740,178
- Mua sắm mới	-	-	-	-
- K/c từ Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối 31.03.2009	-	12,234,883,978	2,181,856,200	14,416,740,178
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư 01.01.09	-	1,555,366,921	235,088,400	1,790,455,321
- Khấu hao trong quý 01.09	-	54,752,967	85,891,524	140,644,491


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối 31.03.2009	-	1,610,119,888	320,979,924	1,931,099,812
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình				
1. Tại ngày đầu năm 01.01.2009	-	10,679,517,057	1,946,767,800	12,626,284,857
2. Tại ngày cuối quý 31.03.2009	-	10,624,764,090	1,860,876,276	12,485,640,366


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
B09-DN

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31.03.2009	01.01.2009
Cộng	63,339,544,542	62,857,630,089
- Chi phí XD CB dở dang		
Trong đó: công trình lớn	63,339,544,542	62,857,630,089
- Dự án XD cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	59,283,516,027	59,283,516,027
- Dự án Nhơn Trạch	78,181,819	78,181,819
- Dự án Resort Đà Lạt	3,173,319,033	3,173,319,033
- Chi phí mua, lắp đặt TS cáp quang	804,527,663	322,613,210

09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	01.01.2009	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31.03.2009
I. Nguyên giá BĐS đầu tư				
1. Quyền sử dụng đất	11,133,640,000	-	-	11,133,640,000
2. Nhà	-	-	-	-
Cộng	11,133,640,000	-	-	11,133,640,000
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Quyền sử dụng đất	1,113,364,000	-	-	1,113,364,000
2. Nhà	-	-	-	-
Cộng	1,113,364,000	-	-	1,113,364,000
III. Giá trị còn lại BĐS đầu tư				
1. Quyền sử dụng đất	10,020,276,000	-	-	10,020,276,000
2. Nhà	-	-	-	-
Tổng	10,020,276,000	-	-	10,020,276,000

Quyền sử dụng 65.492 m2 đất (nguồn gốc từ đất nông nghiệp) tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vào tháng 12/2003, thời hạn sử dụng đất này từ 44-50 năm. Đã có ý kiến của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thoả thuận địa điểm cho Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông lập thủ tục đầu tư khu dân cư theo quy hoạch. Công ty không trích khấu hao theo biên bản kiểm toán Nhà nước tại Cục thuế Tỉnh Đồng nai ngày 26/8/2008.


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
B09-DN

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31.03.2009	01.01.2009
- Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	133,736,136,450	133,736,136,450
- Đầu tư vào công ty liên kết	148,108,190,000	148,108,190,000
- Đầu tư dài hạn khác:	734,098,903,566	734,098,903,566
- Đầu tư cty con (SACOMLAND):	42,500,000,000	42,500,000,000
- Dự phòng đầu tư tài chính:	-261,044,107,684	-255,302,367,684
Cộng	797,399,122,332	803,140,862,332

Danh sách các công ty con, công ty liên kết, liên doanh quan trọng

Công ty	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp đến 01/01/2009	Tăng	Giảm	Giá trị vốn góp đến 31/03/2009
A. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết					
- Cty LD TaiHan-Sacom (*)	30.00%	133,736,136,450	0	0	133,736,136,450
- Cty CP Sam Thịnh	35.43%	18,750,000,000	0	0	18,750,000,000
- Cty CP Sam Phú	25.10%	12,548,190,000	0	0	12,548,190,000
- Cty CP Cấp Sài Gòn	31.14%	107,310,000,000	0	0	107,310,000,000
- Cty CP Sam Cường	30.00%	7,500,000,000	0	0	7,500,000,000
- Cty CP Khu CN Hải phòng	20.00%	2,000,000,000	0	0	2,000,000,000
Cộng A		281,844,326,450	-	-	281,844,326,450
B. Đầu tư dài hạn khác					
- Quỹ Đầu tư Prudential	2.00%	10,300,000,000	0	0	10,300,000,000
- Cty CP Du lịch Bưu Điện	2.50%	3,000,000,000	0	0	3,000,000,000
- Cty CP Saicom	3.91%	500,000,000	0	0	500,000,000
- Cty XL&DV Khánh Hòa	12.27%	613,548,000	0	0	613,548,000
- Cty CP ALPHANAM	2.33%	40,600,000,000	0	0	40,600,000,000
- Cty CP MOMOTA	4.20%	13,500,000,000	0	0	13,500,000,000
- Cty CP Hòa Phát	4.00%	345,051,000,000	0	0	345,051,000,000
- Cty CP Thăng Long	15.00%	15,000,000,000	0	0	15,000,000,000
- Cty TNHH Thăng Long	20.00%	8,935,476,000	0	0	8,935,476,000
- Quỹ tầm nhìn SSI	16.47%	280,000,000,000	0	0	280,000,000,000
- Pacific Communication Campuchia		6,598,879,566	0	0	6,598,879,566
- Cty CP CK phố WALL	5.95%	10,000,000,000	0	0	10,000,000,000
Cộng B		734,098,903,566	-	-	734,098,903,566



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG**B09-DN**

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

Công ty	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp đến 01/01/2009	Tăng	Giảm	Giá trị vốn góp đến 31/03/2009
C. Đầu tư dài hạn khác			-	-	
- Cty CP địa ốc SACOM (SACOMLAND)	55.00%	42,500,000,000	0	0	42,500,000,000
Cộng C		42,500,000,000	-	-	42,500,000,000
Tổng cộng (A+B+C)		1,058,443,230,016	-	-	1,058,443,230,016

(*) Công ty liên doanh TAIHAN-SACOM sản xuất kinh doanh các loại cáp điện lực và cáp viễn thông. SACOM đầu tư 8,400,000 USD tương đương 134,349,684,450 đồng (SACOM nắm giữ 30% vốn điều lệ)


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
B09-DN

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

11. Chi phí trả trước dài hạn	31.03.2009	01.01.2009
- Chi phí phục vụ các dự án (*)	3,486,731,742	2,983,907,137
Cộng	3,486,731,742	2,983,907,137
* Chủ yếu chi phí phục vụ dự án Resort Đà Lạt, cao ốc Văn phòng, phần mềm ERP.		
12. Vay và nợ ngắn hạn	31.03.2009	01.01.2009
Cộng	-	-
13. Phải trả người bán và người mua trả trước	31.03.2009	01.01.2009
- Phải trả người bán (*)	2,283,124,030	28,911,908,320
- Người mua trả trước	829,247,475	72,675,000
Cộng	3,112,371,505	28,984,583,320
(*) Phải trả người bán:		
+ Công ty TNHH Công nghệ và hệ thống	506,010,176	
+ BOROUGE PTE LTD	540,973,125	
+ Công ty TNHH Arkema	379,374,018	
+ MWO GmbH	349,600,160	
+ Các khoản phải trả người bán khác	507,166,551	
Cộng	2,283,124,030	
14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31.03.2009	01.01.2009
- Thuế giá trị gia tăng	29,251,784	713,187,345
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	22,119,465
Cộng	29,251,784	735,306,810
15. Chi phí phải trả	31.03.2009	01.01.2009
- Chi phí phải trả khác	-	-
Cộng	-	-
16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31.03.2009	01.01.2009
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm xã hội	43,474,004	53,191,118
- Kinh phí công đoàn	230,444,512	499,791,887
- Cổ tức phải trả	1,215,052,159	1,218,780,160


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
B09-DN

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (*)	31,472,782,268	31,318,426,049
Cộng	32,961,752,943	33,090,189,214
(*): Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:		
+ Tiền đại lý ký quỹ	115,000,000	
+ Tiền hợp tác kinh doanh dự án cáp quang (SCC)	30,000,000,000	
+ Dự án PCP	572,474,983	
+ Các khoản phải trả khác	785,307,285	
Cộng	31,472,782,268	
17. Nợ dài hạn	31.03.2009	01.01.2009
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	244,234,523	356,776,516
Cộng	244,234,523	356,776,516


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

B09-DN
18. Vốn chủ sở hữu
18.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu
Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	545,000,000,000	1,633,495,025,600	211,511,395,931	34,237,704,536	-	-	2,424,244,126,067
- Tăng vốn trong năm	109,000,000,000	-	488,750,000			-57,562,018,435	51,926,731,565
- Lợi nhuận tăng trong năm					-		-
- Phân phối các quỹ					-		-
- Tăng khác					-		-
- Chia cổ tức năm nay			-		-		-
- Giảm khác		-70,464,303,222	-121,446,395,774	-79,595,860	-75,898,068,543		-267,888,363,399
Số dư cuối năm trước	654,000,000,000	1,563,030,722,378	90,553,750,157	34,158,108,676	-75,898,068,543	-57,562,018,435	2,208,282,494,233
- Tăng vốn trong năm							-
- Lợi nhuận tăng trong năm					13,247,562,017		13,247,562,017
- Phân phối các quỹ							-
- Tăng khác							-
- Chia cổ tức năm nay							-
- Giảm khác							-
Số dư 31.03.2009	654,000,000,000	1,563,030,722,378	90,553,750,157	34,158,108,676	-62,650,506,526	-57,562,018,435	2,221,530,056,250

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG****B09-DN**

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ; Fax: 08 95122919

18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31.03.2009		01.01.2009	
	Tổng số	Vốn cổ phiếu thường	Tổng số	Vốn cổ phiếu thường
- Vốn đầu tư của nhà nước	202,888,944,000	202,888,944,000	202,888,944,000	202,888,944,000
- Vốn góp cổ đông khác	451,111,056,000	451,111,056,000	451,111,056,000	451,111,056,000
- Thặng dư vốn cổ phần	1,563,030,722,378	1,563,030,722,378	1,563,030,722,378	1,563,030,722,378
Cộng	2,217,030,722,378	2,217,030,722,378	2,217,030,722,378	2,217,030,722,378

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm : không

18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	31.03.2009	01.01.2009
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	654,000,000,000	545,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	109,000,000,000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	0
+ Vốn góp cuối năm	<u>654,000,000,000</u>	<u>654,000,000,000</u>

18.4. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán: không
- Cổ tức của Cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận : không

18.5. Cổ phiếu

	31.03.2009	01.01.2009
- Số lượng Cổ phiếu đăng ký phát hành	65,400,000	65,400,000
- Số lượng Cổ phiếu đã bán ra công chúng	65,400,000	65,400,000
+ Cổ phiếu thường	65,400,000	65,400,000
- Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành	65,400,000	65,400,000
+ Cổ phiếu thường	65,400,000	65,400,000

* Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đ / 01 cổ phần

18.6. Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.

- Bù đắp những khoản tổn thất thiệt hại về tài sản do thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, những rủi ro trong kinh doanh;
- Đầu tư mở rộng và phát triển kinh doanh;
- Đổi mới, thay thế hoàn chỉnh máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật;
- Đổi mới trang thiết bị và điều kiện làm việc trong doanh nghiệp;
- Nghiên cứu khoa học, đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ cho công nhân viên trong doanh nghiệp.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
B09-DN

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ; Fax: 08 95122919

- Tham gia liên doanh, mua cổ phiếu, góp vốn cổ phần theo qui định hiện hành;
- Phát triển, mở rộng kênh phân phối tiêu thụ sản phẩm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

19. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 01 Năm 2009	Quý 01 Năm 2008
- Doanh thu cung cấp thành phẩm, hàng hoá	27,862,663,186	782,531,638,647
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	979,786,313	439,086,829
Cộng	28,842,449,499	782,970,725,476
20. Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý 01 Năm 2009	Quý 01 Năm 2008
Cộng	-	-
21. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 01 Năm 2009	Quý 01 Năm 2008
- Doanh thu thuần cung cấp thành phẩm, hàng hoá	27,862,663,186	782,531,638,647
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	979,786,313	439,086,829
Cộng	28,842,449,499	782,970,725,476
22. Giá vốn hàng bán	Quý 01 Năm 2009	Quý 01 Năm 2008
- Giá vốn của hàng hoá và thành phẩm đã cung cấp	29,531,195,270	712,921,267,095
Cộng	29,531,195,270	712,921,267,095
23. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 01 Năm 2009	Quý 01 Năm 2008
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16,791,170,903	2,786,581,328
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	5,815,892,144	78,000,000
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá	558,842,630	1,481,768,515
Cộng	23,165,905,677	4,346,349,843
24. Chi phí tài chính	Quý 01 Năm 2009	Quý 01 Năm 2008
- Lãi tiền vay	-	4,758,940,195
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	220,165,601	428,536,724
- Trích dự phòng đầu tư tài chính	5,741,740,000	-
Cộng	5,961,905,601	5,187,476,919
25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý 01 Năm 2009	Quý 01 Năm 2008
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (*)	-	3,893,577,017
Cộng	-	3,893,577,017
(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13,247,562,017	48,020,783,209
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	-


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
B09-DN

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	
- Tổng thu nhập chịu thuế kỳ này	13,247,562,017	
- Lỗ năm trước chuyển sang	-115,509,208,132	
- Tổng thu nhập chịu thuế	-102,261,646,115	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	3,893,577,017

- Công ty được giảm 50% thuế TNDN trong thời gian 5 năm cho toàn bộ thu nhập của doanh nghiệp từ ngày 01/01/2004 đến ngày 31/12/2008, với thuế suất thuế TNDN là 15%.

- Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN là 15% trong 2 năm cho toàn bộ thu nhập của doanh nghiệp từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2010.

26. Chi phí sản xuất theo yếu tố	<u>Quý 01 Năm 2009</u>	<u>Quý 01 Năm 2008</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13,015,520,436	682,882,030,365
- Chi phí nhân công	2,421,169,147	12,393,701,486
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,448,385,081	3,066,993,421
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,089,723,489	3,101,316,449
- Chi phí khác	1,325,165,938	4,400,279,435
Cộng	23,299,964,091	705,844,321,156


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
B09-DN

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ; Fax: 08 95122919

VII. Tình hình thực hiện quý 01 năm 2009

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh quý 01 năm 2009 vẫn trong bối cảnh chung của nền kinh tế thế giới bị khủng hoảng và nhu cầu tiêu thụ cấp, nhất là cấp đồng của thị trường trong nước giảm mạnh, khối lượng sản phẩm cung ứng trên thị trường nhiều, môi trường cạnh tranh gay gắt. Đặc biệt là giá cả nguyên vật liệu đầu vào trên thị trường thế giới biến động phức tạp đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất của Công ty.

Mặc dù tình hình kinh doanh khó khăn nhưng quý 01 năm 2009 Công ty vẫn nỗ lực đạt doanh thu 28,84 tỷ; lợi nhuận đạt 18,99 tỷ. Do phải trích dự phòng đầu tư tài chính: 5.741.740.000 đồng nên lợi nhuận quý 01 năm 2009 sau khi trích khoản dự phòng trên là : 13.247.562.017 đồng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Dự án đầu tư khu du lịch nghỉ dưỡng tại Đà Lạt-Tỉnh Lâm đồng (SACOM RESORT) đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh Lâm đồng chấp thuận giao đất cho Công ty diện tích khu đất là 269 ha với vốn đầu tư dự kiến 1.667 tỷ VNĐ, hiện Công ty đã tiến hành triển khai Dự án và mời thầu tư vấn quốc tế

- Dự án Văn phòng và cao ốc cho thuê tọa lạc tại Điện Biên phủ đang xin phép xây dựng, dự kiến động thổ vào Quý 2/2009

- Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng nai đã chấp thuận giao đất cho Công ty diện tích khu đất là 54,68 ha đất tại Nhơn trạch - Đồng nai. Hiện Công ty SACOM đã thành lập Công ty CP bất động sản (SACOMLAND) có vốn góp của SACOM là 55%

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2009
Người Lập biểu
Kế toán trưởng
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thanh Thủy

Nguyễn Văn Trường